

Bản án số: 92/2018/DS-PT

Ngày: 02-5-2018

V/v “*Tranh chấp dân sự đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Phạm Thị Hồng Vân;

- Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp dân sự đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 60/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim L, sinh năm 1967; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1962; cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 01 năm 2018); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Trần Kim L trình bày:

Bà và ông Trần Hữu Đ là anh em ruột. Tháng 7-2017, các anh em ruột của bà thống nhất phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại, ông Đ nhận di sản của cha mẹ là nhà và đất nên có nghĩa vụ thanh toán tiền cho anh em trong gia đình, phần của bà được hưởng với số tiền 478.000.000 đồng, ông Đ thanh toán được số tiền 310.000.000 đồng (do vợ ông Đ là bà Thân Thị H1 trả), còn lại 168.000.000 đồng được ghi vào giấy nhận nợ. Ông Đ hẹn đến ngày 30-9-2017 trả, bà có đòi nhiều lần ông Đ không trả. Ông Đ có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà trả số tiền 80.000.000 đồng, bà không đồng ý cho rằng vào tháng 6-2016 bà xin ông Đ 100.000.000 đồng để trả nợ, bà có nợ bà H 20.000.000 đồng, ông Đ trực tiếp trả nợ bà H thay cho bà còn 80.000.000 đồng ông Đ chuyển qua tài khoản cho bà vào ngày 12-9-2016 (BL 34) do bà làm thuê quản lý cơ sở karaoke của ông Đ, đứng tên giấy phép kinh doanh, giúp ông Đ nhiều việc nên ông Đ cho bà tiền. Bà yêu cầu ông Đ trả cho bà 168.000.000 đồng, không yêu cầu vợ ông Đ liên đới trả nợ; không đồng ý yêu cầu phản tố của ông Đ đòi bà trả 80.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu ông Đ trả cho bà L số tiền 168.000.000 đồng; không đồng ý yêu cầu phản tố của ông Đ đòi bà L số tiền vay 80.000.000 đồng vì không có chứng cứ chứng minh là tiền vay.

Bị đơn - ông Trần Hữu Đ trình bày:

Thừa nhận ông có nhận di sản do cha mẹ chết để lại là nhà và đất và có nghĩa vụ thanh toán cho các anh em trong gia đình mỗi người 478.000.000 đồng. Bà L được hưởng phần là 478.000.000 đồng, vợ ông đã giao bà L 310.000.000 đồng còn nợ 168.000.000 đồng là đúng.

Ông xác định bà L không làm thuê cho ông, có nhờ bà L đứng tên hộ giấy phép kinh doanh cơ sở karaoke, vì ông không thể đứng tên cùng một lúc nhiều cơ sở kinh doanh, ông có cho bà L tiền nhiều lần; nhưng lần chuyển tiền 80.000.000 đồng qua tài khoản ngày 12-9-2016 (BL 34) là do bà L hỏi vay để chuộc lại nữ trang và bán sẽ trả cho ông nên ông không tính lãi suất; nhưng sau khi chuộc vàng nữ trang bà L không trả nợ, hẹn ông đến năm 2017. Ông xác định số tiền 80.000.000 đồng chuyển khoản cho bà L là tiền vay, yêu cầu khấu trừ vào số tiền 168.000.000 đồng; đồng ý trả cho bà L số tiền 88.000.000 đồng. Việc ông trả nợ cho bà H số tiền 20.000.000 đồng là nợ của ông không có trả nợ thay cho bà L.

Ngày 20-11-2017, ông Đ có đơn phản tố yêu cầu bà L trả số tiền vay 80.000.000 đồng, yêu cầu khấu trừ vào số tiền nợ 168.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà L trả tiền lãi kể từ ngày 12-9-2016 đến nay theo lãi suất của Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Yêu cầu bà L trả số tiền vay 80.000.000 đồng cho ông Đ, không yêu cầu trả tiền lãi và yêu cầu khấu trừ số tiền 80.000.000 đồng vào số nợ 168.000.000 đồng; ông Đ đồng ý trả 88.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Trần Hữu S trình bày:

Ông và ông Trần Hữu Đ, bà Trần Kim L là anh em ruột, ông là anh thứ tư. Ông xác định việc bà L trình bày là sự thật; bà L là người làm thuê cho ông Đ và giúp ông Đ rất nhiều. Ông có nghe ông Đ nói vừa cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, không biết vì sao chuyển cho bà L số tiền 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa người làm chứng xác định có nghe ông Đ nói cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, nhưng ông không xác định được thời gian nào.

Tại bản án số: 04/2018/DS-ST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định :

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471; 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L đối với ông Trần Hữu Đ.

Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hữu Đ đối với bà Trần Kim L.

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

3. Án phí sơ thẩm: Ông Trần Hữu Đ phải chịu số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự; ghi nhận ông Đ đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng tại Biên lai thu số 0004817 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh; còn phải nộp tiếp số tiền 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Bà Trần Kim L phải chịu số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng án phí dân sự; ghi nhận đã nộp số tiền 4.200.000 (bốn triệu hai trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0004674 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả lại cho bà L số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn - bà Trần Kim L có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét xử bác đơn phản tố của ông Đ đòi bà trả số tiền 80.000.000 đồng vì đây là tiền ông Đ cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Kim L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng ông Đ cho bà 80.000.000 đồng, không có giấy tờ chứng minh nhưng có người làm chứng là ông Trần Tri P, ông Trần Hữu S biết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Phản tố của ông Đ là không có căn cứ, giấy nộp tiền bà L nhận 80.000.000 đồng ngày 12-9-2016 trong giấy nộp tiền không có ghi tiền cho vay, ông Đ và bà L không có hợp đồng vay tài sản, chính ông Đ nói cho bà L tiền nay đòi lại pháp luật không cho phép, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu phản tố của ông Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông Đ có chứng cứ là giấy nộp tiền ngày 12-9-2016, người nộp tiền là ông Trần Hữu Đ, người thụ hưởng là bà Trần Kim L số tiền 80.000.000 đồng, bà L thừa nhận đã nhận 80.000.000 đồng nhưng cho rằng số tiền này ông Đ trả tiền công (cho bà) do bà giúp cho ông Đ nhiều việc là không có căn cứ, ông Đ không có nói cho bà L số tiền này, yêu cầu bà L trả số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim L; căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền là chị Lê Thị Kiều D tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L đòi ông Trần Hữu Đ trả số tiền 168.000.000 đồng thấy rằng: Bà L và ông Đ đều thừa nhận hiện nay ông Đ chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền 168.000.000 đồng phần bà L được hưởng từ việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 168.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà L không đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng cho ông Đ thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông Đ có đơn phản tố yêu cầu bà L trả 80.000.000 đồng. Bà L cho rằng bà làm thuê cho ông Đ, giúp ông Đ nhiều việc nên số tiền 80.000.000 đồng ông Đ chuyển khoản là cho bà, không phải bà vay tiền của ông Đ; ông Đ không thừa nhận bà làm thuê cho ông Đ, xác định số tiền 80.000.000 đồng chuyển khoản cho bà L ngày 12-9-2016 là tiền cho bà L vay. Bà L không có chứng cứ gì chứng minh bà làm thuê cho ông Đ cũng như không có chứng cứ gì chứng minh số tiền bà nhận chuyển khoản từ ông Đ 80.000.000 đồng là tiền ông Đ cho, trong giấy nộp tiền ngày 12-9-2016 (BL 34) và phiếu chi cùng ngày (BL 33) không thể hiện tiền ông Đ cho bà L nên không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L trả cho ông Đ 80.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu phản tố của ông Đ thấy rằng: Bà L thừa nhận đã nhận 80.000.000 đồng do ông Đ chuyển khoản ngày 12-9-2016, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đây là tiền ông Đ cho bà L nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

[5] Về lời khai của người làm chứng theo yêu cầu của bà L (ông Trần Tri P, ông Trần Hữu S) xác định có nghe ông Đ nói cho bà L 100.000.000 đồng nhưng không xác định được cụ thể thời gian nào cho, không chứng kiến việc cho tiền, nên lời khai của những người làm chứng chưa đủ có sở để chấp nhận việc ông Đ cho bà L 80.000.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên xét thấy bà L kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: “Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo”. Do kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim L; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 471, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2, Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L đối với ông Trần Hữu Đ.

Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hữu Đ đối với bà Trần Kim L.

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hữu Đ phải chịu số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu số 0004817 ngày 20-11-2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh; ông Đ còn phải nộp tiếp số tiền 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Bà Trần Kim L phải chịu số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004674 ngày 23-10-2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả lại cho bà L số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0005021 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TANDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. T;
- Phòng KTNV&THAHS Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Tuyền